BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (A)

Học kỳ : 1

Thời gian : 15h30 - 28/12/2025 - Phòng thi 302 - Hòa Khánh Nam - Tòa nhà G

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29204964675	Vũ Thị Minh	Châu	AUD 351 A	K29KDN					
2	29204965650	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	AUD 351 A	K29KDN					
3	29204951375	Nguyễn Thị	Diệu	AUD 351 A	K29KDN					
4	29214327690	Dương Lê	Du	AUD 351 A	K29KKT					
5	29215049645	Trần Hoàng	Duy	AUD 351 A	K29KKT					
6	29204626291	Nguyễn Thị	Duyên	AUD 351 A	K29KDN					
7	29204455077	Nguyễn Khánh	Giang	AUD 351 A	K29KDN					
8	29205059806	Trần Thu	Hà	AUD 351 A	K29KKT					
9	29214960607	Dương Minh	Hải	AUD 351 A	K29KKT					
10	29207134725	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	AUD 351 A	K29KKT					
11	29204955670	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	AUD 351 A	K29KDN					
12	29209553529	Nguyễn Thị Thu	Hiền	AUD 351 A	K29KDN					
13	29205058941	Ngô Thị Mỹ	Hoa	AUD 351 A	K29KKT					
14	29204927670	Đỗ Thị Thanh	Hoà	AUD 351 A	K29KDN					
15	29205058811	Ngô Hoài Mai	Hương	AUD 351 A	K29KKT					
16	29205040707	Phạm Lê Thanh	Huyền	AUD 351 A	K29KKT					
17	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	AUD 351 A	K29KDN					
18	29204934418	Lê Thị	Kiều	AUD 351 A	K29KDN					
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (A)

Học kỳ : 1

Thời gian : 15h30 - 28/12/2025 - Phòng thi 303 - Hòa Khánh Nam - Tòa nhà G

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	29204644563	Nguyễn Thị Thùy	Linh	AUD 351 A	K29KDN					
2	29204748019	Lê Thị Thùy	Linh	AUD 351 A	K29KDN					
3	29205059808	Tống Khánh	Linh	AUD 351 A	K29KKT					
4	29204962426	Phạm Hoàng Khánh	Ly	AUD 351 A	K29KDN					
5	27202602135	Phan Thị Mỹ	Ngân	AUD 351 A	K27KDN					*NỢ HP*
6	29204954617	Nguyễn Phạm Bảo	Ngân	AUD 351 A	K29KDN					
7	29204963233	Trần Thục	Nguyên	AUD 351 A	K29KDN					
8	29205051650	Đoàn Thị Kim	Nhân	AUD 351 A	K29KKT					
9	29204926262	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	AUD 351 A	K29KDN					
10	29205058887	Phạm Thị Tuyết	Nhung	AUD 351 A	K29KKT					
11	29204949990	Nguyễn Thị Trà	Ny	AUD 351 A	K29KDN					
12	29204956854	Nguyễn Hoàng	Ny	AUD 351 A	K29KDN					
13	29204455187	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	AUD 351 A	K29KDN					
14	29214861698	Nguyễn Tiến	Quân	AUD 351 A	K29KKT					
15	29204949257	Vũ Thị Lệ	Quyên	AUD 351 A	K29KDN					
16	29204556207	Phạm Như	Quỳnh	AUD 351 A	K29KDN					
17	29204951058	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	AUD 351 A	K29KDN					
18	29208048315	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	AUD 351 A	K29KKT					
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: Kiểm Toán Căn Bản * SỐ TÍN CHỈ : 3
MÔN THI : AUD 351 (A)

Học kỳ : 1

Thời gian : 15h30 - 28/12/2025 - Phòng thi 304 - Hòa Khánh Nam - Tòa nhà G

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	28214903826	Hà Phước	Sơn	AUD 351 A	K28KDN					
2	29205027571	Lê Đoàn Ngọc	Tài	AUD 351 A	K29KKT					
3	29204937109	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	AUD 351 A	K29KDN					
4	29204953179	Nguyễn Thị Ngọc	Thạch	AUD 351 A	K29KDN					
5	29204959529	Lê Thị Thanh	Thanh	AUD 351 A	K29KDN					
6	29205000013	Lê Hồng	Thảo	AUD 351 A	K29KKT					
7	29204961408	Nguyễn Thị Anh	Thơ	AUD 351 A	K29KDN					
8	29204646200	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	AUD 351 A	K29KDN					
9	29205022213	Lê Hoài	Thư	AUD 351 A	K29KKT					
10	29208147854	Nguyễn Kim Anh	Thư	AUD 351 A	K29KDN					
11	24202505246	Hoàng Bảo	Thy	AUD 351 A	K25KKT					
12	29205065444	Trần Lê Cát	Tiên	AUD 351 A	K29KKT					
13	29204954541	Lê Ngọc Hoàng	Trâm	AUD 351 A	K29KDN					
14	29215059803	Hà Thái	Tú	AUD 351 A	K29KDN					
15	29204958082	Phan Thị Tú	Uyên	AUD 351 A	K29KDN					
16	29208053633	Bùi Thị Tường	Vi	AUD 351 A	K29KDN					
17	25212502053	Bạch Hoàng	Vũ	AUD 351 A	K28KKT					
18	29208455352	Lê Thị Như	Ý	AUD 351 A	K29KKT					
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										